

*
Số 03-HD/VPTW

HƯỚNG DẪN

thực hiện chế độ đảng phí theo Quyết định số 342-QĐ/TW,
ngày 28-12-2010 của Bộ Chính trị

Thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28-12-2010 của Bộ Chính trị quy định về chế độ đảng phí, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện chế độ thu, quản lý, sử dụng, hạch toán kế toán và báo cáo đảng phí như sau :

I- Các cấp uỷ được lập quỹ dự trữ từ nguồn thu đảng phí

- Cơ quan tài chính đảng Trung ương (Văn phòng Trung ương Đảng).
- Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương.
- Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương.
- Quân uỷ Trung ương.
- Đảng uỷ Công an Trung ương.
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương.
- Các quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối các cơ quan, đảng uỷ khối doanh nghiệp và đảng uỷ tương đương trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ.

II- Đối tượng và mức đóng đảng phí của đảng viên

I- Đảng viên trong các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% bao gồm các khoản sau :

- Tiền lương theo ngạch bậc, lương chức vụ, chức danh hoặc tiền công.
- Tiền lương theo ngạch bậc, lương chức vụ, chức danh tăng thêm theo quy định của Chính phủ.

- Các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

2- Đảng viên trong lực lượng vũ trang nhân dân

a) Đảng viên trong Quân đội nhân dân

- Đảng viên là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hưởng lương theo cấp bậc quân hàm : mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương cấp bậc, quân hàm, các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

- Đảng viên là hạ sĩ quan, binh sĩ, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% phụ cấp quân hàm; Đảng viên là sinh viên, học viên dân sự tại các học viện, nhà trường quân đội, mức đóng đảng phí 3.000 đồng/tháng.

- Đảng viên là công nhân, công chức, viên chức, quốc phòng, lao động hợp đồng mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương theo ngạch, bậc, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và tiền công.

b) Đảng viên trong Công an nhân dân

- Đảng viên là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan hưởng lương theo cấp bậc quân hàm : mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương theo cấp bậc quân hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

- Đảng viên là công chức, viên chức Công an nhân dân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn, cán bộ tạm tuyển : mức đóng đảng phí bằng 1% tiền lương theo cấp bậc quân hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

- Đảng viên là hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ hưởng phụ cấp quân hàm; học viên hưởng sinh hoạt phí : mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% phụ cấp, sinh hoạt phí.

c) Đối với đảng viên thuộc các đối tượng trên đây, nếu làm việc trong các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang thì mức đóng đảng phí thực hiện theo quy định tại điểm 4 mục II Hướng dẫn này.

3- Đảng viên hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng do bảo hiểm xã hội chi trả, mức đóng đảng phí bằng 0,5% tiền lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

Trường hợp đảng viên nghỉ hưu nhưng được các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, mời tiếp tục làm việc được hưởng tiền công, phụ cấp hằng tháng, mức đóng đảng phí bao gồm : 0,5% tiền lương hưu, trợ cấp hằng tháng và 0,5% tiền công, phụ cấp được hưởng.

4- Đảng viên là cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng, mức đóng đảng phí bằng 1% mức phụ cấp.

5- Đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đơn vị sự nghiệp công lập. Mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% các khoản sau :

- Tiền lương theo ngạch bậc, lương chức vụ, chức danh hoặc tiền công.

- Tiền lương theo ngạch bậc, lương chức vụ, chức danh tăng thêm từ quỹ tiền lương của đơn vị theo quy định của Chính phủ.

- Các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp đảng viên đã nghỉ chế độ được bảo hiểm xã hội chi trả tiền lương hưu, hoặc trợ cấp hằng tháng được các doanh nghiệp trên mời làm việc, mức đóng đảng phí bằng 0,5% tiền lương hưu, trợ cấp hằng tháng và 0,5% tiền công và phụ cấp (nếu có) do các doanh nghiệp chi trả.

6- Đảng viên là học sinh, sinh viên không hưởng lương và phụ cấp, mức đóng đảng phí 3.000 đồng/tháng.

7- Đảng viên là chủ trang trại; chủ cửa hàng thương mại, sản xuất, kinh doanh dịch vụ, mức đóng đảng phí theo các khu vực như sau :

- Khu vực nội thành các thành phố trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 30.000 đồng/tháng.

- Khu vực nội thành đô thị loại I, loại II, loại III của các tỉnh trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 25.000 đồng/tháng.

- Khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (địa bàn khu vực III theo quy định của Chính phủ) đóng đảng phí 15.000 đồng/tháng.

- Các khu vực còn lại đóng đảng phí 20.000 đồng/tháng.

Trường hợp đảng viên là chủ trang trại; chủ cửa hàng thương mại, sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng do bảo hiểm xã hội chi trả, đóng đảng phí bằng 50% theo các mức nêu trên và 0,5% tiền lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

8- Đảng viên không thuộc các đối tượng trên

a) Trong độ tuổi lao động

- Khu vực nội thành các thành phố trực thuộc Trung ương, mức đóng đảng phí 10.000 đồng/tháng.

- Khu vực nội thành đô thị loại I, loại II, loại III của các tỉnh trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 8.000 đồng/tháng.

- Khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (địa bàn khu vực III theo quy định của Chính phủ) đóng đảng phí 4.000 đồng/tháng.

- Các khu vực còn lại đóng đảng phí 6.000 đồng/tháng.

b) Đối với đảng viên ngoài độ tuổi lao động (trên 55 tuổi đối với nữ, trên 60 tuổi đối với nam) mức đóng đảng phí bằng 50% mức đóng của đảng viên trong độ tuổi lao động theo từng khu vực.

9- Đảng viên sống, học tập, làm việc ở ngoài nước

9.1- Đảng viên ra nước ngoài theo diện được hưởng lương hoặc sinh hoạt phí tại cơ quan đại diện (kể cả phu nhân, phu quân) hoặc doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài và lưu học sinh, chuyên gia, cộng tác viên..., mức đóng đảng phí bằng 1% tiền lương hoặc sinh hoạt phí.

9.2- Đảng viên đi du học tự túc, đảng viên đi xuất khẩu lao động, đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống :

a) Đảng viên đi du học tự túc, đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống

- Đảng viên đi du học tự túc, đảng viên đi theo gia đình, mức đóng tương đương 2 USD/tháng.

- Đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống; kinh doanh, dịch vụ nhỏ, mức đóng tương đương 3 USD/tháng.

b) Đảng viên đi xuất khẩu lao động

- Làm việc tại các nước thuộc các nước công nghiệp phát triển và các nước có mức thu nhập bình quân trên đầu người cao, mức đóng đảng phí hằng tháng tương đương 4 USD/tháng.

- Làm việc tại các nước còn lại, mức đóng hằng tháng tương đương 2 USD/tháng.

9.3- Đảng viên là chủ hoặc đồng chủ sở hữu các doanh nghiệp, khu thương mại, mức đóng đảng phí tối thiểu hằng tháng tương đương 10 USD/tháng.

10- Các khoản phụ cấp, trợ cấp được trả bằng hiện vật; các khoản phụ cấp không tính đóng bảo hiểm xã hội; trợ cấp chính sách xã hội như : trợ cấp người hoạt động cách mạng trước năm 1945, trợ cấp Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, trợ cấp thương tật, trợ cấp thân nhân liệt sĩ, trợ cấp nhiễm chất độc da cam...; không tính vào thu nhập để tính đóng đảng phí.

11- Khuyến khích đảng viên thuộc các đối tượng nêu trên đây tự nguyện đóng đảng phí cao hơn mức quy định nhưng phải được chi uỷ hoặc chi bộ (đối với chi bộ không có chi uỷ) đồng ý.

12- Đảng viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu có đơn đề nghị miễn hoặc giảm mức đóng đảng phí, chi bộ xem xét, báo cáo lên cấp uỷ cơ sở quyết định.

III- Quản lý và sử dụng đảng phí

1- Trích, nộp đảng phí thu được

1.1- Ở trong nước

a) Các chi bộ và đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở

- Các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn ở các xã biên giới vùng sâu, vùng xa (địa bàn khu vực II, khu vực III theo quy định của Chính phủ) được trích lại 50%, nộp lên cấp uỷ cấp trên 50%.

- Các chi bộ đại đội, chi bộ đồn, tàu biên phòng, tàu hải quân, tàu cảnh sát biển; các chi bộ đài, trạm ra đa; chi bộ trong đơn vị lực lượng vũ trang đóng

quân ở các xã biên giới vùng sâu, vùng xa, trên các đảo được trích lại 50%, nộp lên cấp uỷ cấp trên 50%.

- Các chi bộ và các đảng bộ bộ phận còn lại được trích lại 30%, nộp lên cấp uỷ cấp trên 70%.

b) Đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở ở xã, phường, thị trấn được trích để lại 90%, nộp 10% lên cấp uỷ cấp trên.

c) Đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp; các tổ chức kinh tế được trích để lại 70%, nộp 30% lên cấp uỷ cấp trên.

d) Các đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở, mỗi cấp được trích để lại 50%, nộp 50% lên cấp uỷ cấp trên.

e) Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương được trích để lại 50%, nộp 50% về Văn phòng Trung ương Đảng.

1.2- Ở ngoài nước

a) Chi bộ trực thuộc, đảng bộ trực thuộc đảng uỷ nước sở tại được trích để lại 30%, nộp 70% lên cấp uỷ cấp trên.

b) Đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng uỷ Ngoài nước được trích để lại 50%, nộp 50% về Đảng uỷ Ngoài nước.

c) Đảng phí thu được của Đảng uỷ Ngoài nước nộp 100% về Văn phòng Trung ương Đảng.

2- Quản lý và sử dụng đảng phí

2.1- Đảng phí được trích để lại ở các cấp được sử dụng như sau :

- Chi bộ trực thuộc đảng bộ bộ phận, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở trong các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và tổ chức kinh tế : số đảng phí trích giữ lại được bổ sung vào dự toán chi hoạt động của tổ chức đảng.

- Các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối các cơ quan và đảng uỷ khối doanh nghiệp và đảng uỷ tương đương trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ; các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương; Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương; Quân uỷ Trung ương; Đảng uỷ Công an Trung ương, cơ quan tài chính đảng ở Trung ương : số đảng phí trích giữ lại được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp mình. Quỹ dự trữ được dùng bổ sung chi hoạt động của cấp uỷ, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ

chức đảng trực thuộc có khó khăn; cấp uỷ đảng quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

2.2- Chế độ hạch toán và báo cáo

2.2.1- Chế độ hạch toán

a) Đối với các tổ chức cơ sở đảng, tổ chức đảng cấp trên của tổ chức cơ sở đảng không là đơn vị dự toán thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30-5-2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá XI về ban hành Quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

b) Đối với các tổ chức đảng là đơn vị dự toán thực hiện như sau :

- Số đảng phí thu được ghi :

Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt, TGNH.

Có TK 5118 (51181) - Thu đảng phí.

- Số đảng phí nộp lên cấp trên ghi :

Nợ TK 5118 (51181) - Thu đảng phí (theo tỉ lệ trích nộp).

Có TK 111, 112 - Tiền mặt, TGNH.

- Cuối kỳ kết chuyển số đảng phí thu được ghi :

Nợ TK 5118 (51181) - Thu đảng phí.

Có TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ (số đảng phí trích giữ lại).

- Sử dụng nguồn kinh phí dự trữ :

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc :

Nợ TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ.

Có TK 111, 112 - Tiền mặt, TGNH.

+ Bổ sung chi hoạt động cấp uỷ ghi :

Nợ TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ.

Có TK 461 - Nguồn kinh phí hoạt động.

2.2.2- Chế độ báo cáo

- Các cấp uỷ có trách nhiệm tổng hợp thu, nộp, sử dụng đảng phí của cấp mình và toàn đảng bộ, lập báo cáo gửi lên cấp uỷ cấp trên theo niên độ kế toán. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổng hợp thu, nộp, sử dụng đảng phí của toàn Đảng, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

- Chế độ báo cáo thực hiện theo phụ lục số và báo cáo thu nộp đảng phí kèm theo.

IV- Tổ chức thực hiện

1- Đảng viên đóng đảng phí hằng tháng trực tiếp cho chi bộ. Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận nộp đảng phí lên cấp trên theo tháng hoặc quý; các tổ chức cơ sở đảng còn lại nộp và gửi báo cáo lên cấp trên theo quý.

2- Cấp uỷ hoặc cơ quan tài chính đảng cấp trên và uỷ ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thường xuyên việc thực hiện quy định về chế độ đảng phí.

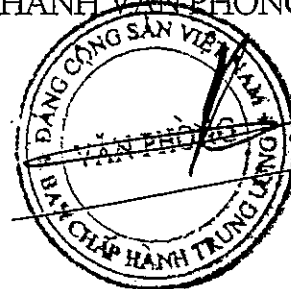
Hướng dẫn này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ, đảng viên và thực hiện từ ngày 01-01-2016 thay thế Công văn số 141-CV/VPTW/nb, ngày 17-3-2011 và Công văn số 1266-CV/VPTW/nb, ngày 05-3-2012 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28-12-2010 của Bộ Chính trị quy định về chế độ đảng phí.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cấp uỷ phản ánh về các tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương để xem xét hướng dẫn. Trường hợp đặc biệt, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng để nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận :

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Cục Tài chính và Quản lý đầu tư,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC



Hoàng Công Hoàn